TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/QĐ-TA	*Trần Đề, ngày 29 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng.

2. Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 80 đường Hồ Nước Ngọt, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Quyết định mở phiên họp số 12A/QĐ-TA ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với:

Họ và tên: Trần Văn N. Giới tính: Nam (Có mặt).

Sinh năm: 1994.

Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 9/12.

Nguyên quán: Huyện C, tỉnh S.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh S.

Chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định.

Nghề nghiệp: Không

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trần Văn H (sống) và bà Lê Thị T (sống).

Có sự tham gia của:

1. Đại diện cơ quan đề nghị: Ông Lương Chí N – Chuyên viên Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh S (có mặt).

Địa chỉ: Khu Hành chính T, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Anh Trần Văn N đã vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể:

Vào ngày 14/02/2020, Công an thị trấn T phối hợp với Công an huyện T, tỉnh S mời anh N làm việc vì nghi vấn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình làm việc anh N thừa nhận có sử dụng ma túy dạng đá, hình thức sử dụng là hút. Công an thị trấn T có văn bản số 31/CATT ngày 14/02/2020 đề nghị Trung tâm y tế huyện T xác định tình trạng nghiện của anh N. Trung tâm y tế huyện T xác định anh

N nghiện ma túy, loại ma túy sử dụng là Methamphetamine. Qua xác minh anh Trần Văn N không có nơi cư trú ổn định.

Vào ngày 14/02/2020, Công an thị trấn T đã có bản đề nghị số 33/ĐN-CATT đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T ra Quyết định giao anh Trần Văn N cho cơ sở cai nghiện quản lý trong thời gian làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với anh N.

Ý kiến của đại diện cơ quan đề nghị là ông Lương Chí N: Anh Trần Văn N là người trên 18 tuổi, được xác định là người nghiện chất ma túy (Amphetamine), không có nơi cư trú ổn định. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 221/NĐ-CP ngày 30/12/2013. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh S đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa anh Trần Văn N vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh S. Địa chỉ: Số X đường H, khóm Y, phường Z, thành phố S, tỉnh S, với thời hạn là 24 tháng để được cai nghiện bắt buộc.

Ý kiến của người bị đề nghị: Anh Trần Văn N thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật đúng như lời trình bày của cơ quan đề nghị nhưng không đồng ý với nội dung của cơ quan đề nghị về việc đưa anh vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Anh N đề nghị để anh tự cai nghiện tại nhà vì hiện nay anh không còn sử dụng ma túy nữa và anh là lao động duy nhất trong gia đình...

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Trường hợp của anh Trần Văn N đủ điều kiện để áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện T xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với anh N.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện cơ quan đề nghị, Kiểm sát viên, người bị đề nghị.

XÉT THẤY:

Về trình tự, thủ tục: Người đề nghị đã thực hiện đúng với quy định tại Điều 95, Điều 96, điểm b khoản 1 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính; Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào Cở cai nghiện bắt buộc; Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về hành vi vi phạm: Anh Trần Văn N thừa nhận có sử dụng trái phép chất ma túy và kết quả trả lời của cơ quan chuyên môn xác định anh N đã nghiện ma túy tổng hợp Methamphetamine. Việc sử dụng trái phép chất ma túy của anh N là vi

phạm pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí tuệ của bản thân, là gánh nặng cho gia đình và xã hội, làm hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an. Ngoài ra, nghiện ma túy là một tệ nạn xã hội gây khó khăn cho Nhà nước trong việc phòng chống các tác hại của ma túy gây ra, dẫn đến những hệ lụy xấu cho xã hội. Do đó Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh S đề nghị Tòa án nhân dân huyện T xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh S đối với anh N, để được cai nghiện bắt buộc, với thời gian là 24 tháng theo quy định tại Điều 95 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Quá trình lập hồ sơ, anh Trần Văn N khai anh có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh S và chỗ ở hiện nay là ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Tuy nhiên qua xác minh tình trạng cư trú của anh N xác định được như sau: Tại kết quả trả lời xác minh tình trạng cư trú của Công an xã A, huyện C và Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh S xác định anh Trần Văn N không sinh sống tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (xã A, huyện C) và không đăng ký tạm trú tại địa bàn thị trấn T. Do đó hồ sơ xác định anh N không có nơi cư trú ổn định là có căn cứ.

Xét hành vi vi phạm của anh N thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 và Nghị định 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 221/NĐ-CP ngày 30/12/2013; Điều 95 và Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính, nên đề nghị của Phòng Lao động –Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh S và đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

Xét về lời trình bày của anh Trần Văn N: Như đã trình bày ở phần trên chính quyền địa phương đã tiến hành các quy trình theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp anh N không đồng ý với đề nghị của đại diện Phòng lao đông – Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh S nhưng anh N không đưa ra được những lý do chính đáng, chứng cứ thuyết phục cho lời trình bày của mình. Do đó lời trình bày của anh N không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh S. Địa chỉ: Số X đường H, khóm Y, phường Z, thành phố S, tỉnh S đối với anh Trần Văn N, sinh năm 1994.

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Người bị đề nghị có quyền khiếu nại Quyết định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố Quyết định. Cơ quan đề nghị có quyền kiến nghị; Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quyền kháng nghị trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố Quyết định.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Cơ quan thi hành quyết định: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh S phối hợp với Công an huyện T, tỉnh S đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh S (Phòng KTNV&THA);
- Anh Trần Văn N;
- Trưởng Công an huyện T;
- Trưởng Phòng LĐTB &XH huyện T;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh S;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng